

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 25-7-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

2. Bà Ngô Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong các ngày ngày 23 và ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1979;

- Ông Bùi Hồng T, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2024, tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: Ngày

07/02/2024, bà Bùi Thị H cho vợ chồng bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (đến ngày 07/8/2024 phải hoàn trả), lãi suất thỏa thuận ngoài là 3%/tháng, không ghi trong hợp đồng. Từ ngày vay đến nay bà N và ông T không có trả lãi và vốn cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà N và ông T phải hoàn trả số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tính lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày vay là ngày 07/02/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả trong thời gian 01 tháng. Bà Bùi Thị H thừa nhận trước ngày 7/8/2024, giữa bà H và vợ chồng bà N và ông T có xác lập quan hệ vay tiền nhưng những lần vay tiền đó đã giải quyết xong. Chỉ còn Hợp đồng mượn tiền ngày 07/02/2024, số tiền vay là 400.000.000 đồng thì bà N và ông T chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2025, bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Trước đây bà N có vay của bà H số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất là 6%/tháng. Tuy nhiên, thời gian vay đã lâu nên bà N không nhớ ngày vay và số tiền lãi đã trả là bao nhiêu. Khi vay bà H chỉ lập 01 giấy nợ và bà Hồng giữ, không có giao cho bà N bản nào. Tuy nhiên, bà N có chụp ảnh và lưu lại trong điện thoại nhưng hiện nay đã mất. Do còn thiếu tiền lãi chưa trả nên đến ngày 07/8/2024, bà H yêu cầu bà N làm lại giấy nợ tổng cộng là 400.000.000 đồng (trong đó tiền vốn chỉ 200.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng là tiền lãi bà H cộng vào), bà N thừa nhận giấy nợ do bà N viết và ký tên. Lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 6%/tháng nhưng từ đó đến nay bà N chưa trả tháng lãi nào. Mục đích vay nợ là để 02 vợ chồng kinh doanh mua bán gỗ phục vụ cho kinh tế gia đình. Việc vay mượn này cả hai vợ chồng đều biết và thống nhất với nhau. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tính lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu trả trong thời gian 01 tháng thì bà có ý kiến như sau: Bà chỉ vay vốn 200.000.000 đồng nên bà chỉ 200.000.000 đồng tiền vốn và 100.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 300.000.000 đồng. Đề nghị trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Nay, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tính lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu trả trong thời gian 01 tháng thì bà có ý kiến như sau: Bà N đồng ý trả nợ số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tính lãi suất của Ngân hàng và trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị N khẳng định đến thời điểm này bà không còn giữ chứng cứ gì về việc vay nợ với bà Bùi Thị H.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2025, bị đơn ông Bùi Hồng T trình bày: Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tính lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu

cầu trả trong thời gian 01 tháng thì ông T có ý kiến như sau: Vợ chồng ông chỉ vay vốn 200.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 200.000.000 đồng tiền vốn và 100.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 300.000.000 đồng. Đề nghị trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông T khẳng định đến thời điểm này vợ chồng ông không còn giữ chứng cứ gì về việc vay nợ với bà Bùi Thị H.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Hồng T trình bày: Vợ chồng ông chỉ vay vốn 200.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 200.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất theo lãi suất Ngân hàng tính từ nay vay đến nay. Đề nghị trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông T khẳng định đến thời điểm này vợ chồng ông không còn giữ chứng cứ gì về việc vay nợ với bà Bùi Thị H.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

+ Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: đúng quy định Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc thu thập chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tổng đạt cho các đương sự: đúng quy định.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng thời hạn quy định.

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: đúng quy định.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Xét nội dung tranh chấp và các tình tiết của vụ án nhận thấy:

Nguyên đơn trình bày vào ngày 07/02/2024, bà Bùi Thị H có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (đến ngày 07/8/2024 phải hoàn trả), lãi suất thỏa thuận ngoài, không ghi trong hợp đồng là 3%/tháng. Phía bị đơn bà N và ông T xác định chỉ vay của bà H 200.000.000 đồng, do còn thiếu tiền lãi chưa trả nên đến ngày 07/8/2024

bà H yêu cầu bà N làm lại giấy nợ tổng cộng là 400.000.000 đồng (trong đó tiền vốn chỉ 200.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng là tiền lãi bà H cộng vào), giấy nợ do bà N viết và ký tên.

Mặc dù phía bà N không thừa nhận vay 400.000.000 đồng vào ngày 07/02/2024 nhưng thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy mượn tiền ngày 07/02/2024 do bà H cung cấp. Bà N và ông T cho rằng chỉ vay 200.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng, cộng dồn tiền lãi chưa trả nên bà H mới yêu cầu bà N lập giấy nợ 400.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày thì bà N và ông T không cung cấp được tài liệu chứng minh. Do đó có cơ sở xác định vào ngày 07/02/2024 bà H có cho vợ chồng bà N ông T vay số tiền 400.000.000 đồng, hết thời hạn vay nhưng phía bà N ông T không trả cho bà H nên việc bà H yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay là 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất thì phía bà H cho rằng lãi suất không thể hiện trong hợp đồng nhưng thỏa thuận ngoài là 3%/tháng còn phía bà N ông T cho rằng lãi suất mà bà H cho vay là 6%/tháng. Từ đó có cơ sở xác định hợp đồng vay ngày 07/02/2024 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, việc bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 07/02/2024 đến ngày xét xử (23/7/2025) với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tiền lãi là: 400.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 05 tháng 16 ngày = 116.889.000 đồng. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền vay 400.000.000 đồng và tiền lãi 116.889.000 đồng.

Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định.

3. Yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T có địa chỉ cư trú tại: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An) nên Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H: Bà Bùi Thị H khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy nợ ngày 07/02/2024, bà Bùi Thị H có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (đến ngày 07/8/2024 phải hoàn trả), lãi suất thỏa thuận ngoài là 3%/tháng. Bị đơn Bà Huỳnh Thị N thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy mượn tiền là do bà N ký và viết. Tuy nhiên, bà N và ông T trình bày là chỉ vay của bà H 200.000.000 đồng, do còn thiếu tiền lãi chưa trả nên đến ngày 07/8/2024 bà H yêu cầu bà N làm lại giấy nợ tổng cộng là 400.000.000 đồng (trong đó tiền vốn chỉ 200.000.000 đồng còn 200.000.000 đồng là tiền lãi bà H cộng vào). Bà Bùi Thị H không thừa nhận lời trình bày của bà N và ông T là chỉ vay 200.000.000 đồng. Mặt khác, ngoài ý kiến trình bày trên thì bà N và ông T không cung cấp được tài liệu nào chứng minh lời trình bày trên là có căn cứ. Do đó, có cơ sở xác định vào ngày 07/02/2024 bà H có cho vợ chồng bà N ông T vay số tiền 400.000.000 đồng, hết thời hạn vay nhưng phía bà N ông T không trả cho bà H nên việc bà H1 yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay là 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Bùi Thị H yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày vay 07/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị N chỉ đồng ý trả lãi cho bà Bùi Thị H theo lãi suất cho vay của Ngân hàng. Ông Bùi Hồng T chỉ đồng ý trả lãi cho bà Bùi Thị H theo lãi suất cho vay của Ngân hàng trên số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày vay 07/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, bà H, bà N và ông T đều xác định hợp đồng vay ngày 07/02/2024 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do đó, tranh chấp về lãi suất trong trường hợp này sẽ được xem xét giải quyết theo Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của bà Bùi Thị H là có căn cứ chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: 400.000.000 đồng x 17 tháng 18 ngày = 116.864.000 đồng.

[2.3] Về phương thức trả nợ: Bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn Bùi Thị H đồng ý và pháp luật không quy định cho trả dần nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H. Buộc bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền vay là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 116.864.000 đồng. Tổng cộng là 516.864.000 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Do bị đơn bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị H.

[3.2] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T.

Buộc bà bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị N số tiền 516.864.000 đồng (tiền gốc: 400.000.000 đồng, tiền lãi: 116.864.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị N và ông Bùi Hồng T phải chịu 24.674.560 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.328.000 đồng tại Biên lai số 0011662 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước (nay là Phòng THADS khu vực 6 – Tây Ninh).

3. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 6 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hữu Lộc